

Bản án số: 48/2021/HS-ST  
Ngày 17-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Kim Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đồng Mạnh Linh, bà Nguyễn Ngọc Oanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Hoàng Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2021/HSST ngày 16-7-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/QĐXXST- HS ngày 01-9-2021, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn D;** tên gọi khác: không; sinh ngày 30 tháng 7 năm 1981 tại tỉnh Y; giới tính: Nam, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố HP, phường HH, thành phố Y, tỉnh Y; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1954 và bà: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1954; vợ: Lương Thị H, sinh năm: 1982, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: năm 2012: Bị Công an tỉnh Y xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; năm 2015: Bị Công an thành phố Y xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; năm 2016: bị Tòa án nhân dân thành phố Y quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13-4-2021, tạm giam ngày 16-4-2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Y. Có mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Lương Thị H, sinh năm: 1982, địa chỉ: Tổ dân phố HP, phường HH, thành phố Y, tỉnh Y. Có mặt.

*\* Người làm chứng:*

- Anh Lê Quang H1, sinh năm: 1971, địa chỉ: Tổ 7, phường NTH, thành phố Y, tỉnh Y. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ 4, phường NTH, thành phố Y, tỉnh Y. Vắng mặt.

- Anh Bùi Như T, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ dân phố H1, phường HH, thành phố Y, tỉnh Y. Vắng mặt.

- Ông Đặng Văn C, sinh năm 1947, địa chỉ: Tổ dân phố H2, phường HH, thành phố Y, tỉnh Y. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là đối tượng nghiện chất ma túy. Vì mục đích kiếm lời và để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân nên Nguyễn Văn D đã 02 lần mua ma túy của một người đàn ông không quen biết tại ven đường khu vực xã B, huyện BY, tỉnh LC vào các ngày 02-4-2021 và ngày 12-4-2021. Trong đó: lần một mua được một gói với giá 4.000.000 đồng, D chia nhỏ, bán 01 gói, số còn lại sử dụng hết cho bản thân; lần hai mua một gói với giá 15.000.000 đồng, một phần D cất giấu tại nhà, một phần chia nhỏ thành 18 gói, đã bán cho các đối tượng nghiện 03 gói, còn 15 gói cất giấu trong người. Các lần D bán ma túy cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ ngày 11-4-2021, tại khu vực gần xưởng gỗ nhà D, D đã bán cho Bùi Như T, sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố H1, phường HH, thành phố Y 01 gói ma túy, loại heroine với giá 200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng gần 16 giờ ngày 12-4-2021, tại khu vực ven đường gần nhà D, D đã bán cho Lê Quang H1, sinh năm 1971, trú tại tổ 7, phường NTH, thành phố Y 01 gói ma túy, loại heroine với giá 200.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 12-4-2021, tại khu vực ven đường gần nhà D, D đã bán cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, trú tại tổ 4, phường NTH, thành phố Y 01 gói ma túy, loại heroine với giá 200.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng hơn 16 giờ ngày 12-4-2021, tại khu vực gần xưởng gỗ nhà D, D tiếp tục bán cho Bùi Như T 01 gói ma túy, loại heroine với giá 200.000 đồng.

04 gói ma túy mà D đã bán đều được gói bằng giấy màu trắng có kẻ ngang (loại vở học sinh). Trước khi mua, Bùi Như T và Lê Quang H1 đều gọi điện trước

cho D vào điện thoại của D, có số thuê bao 0944.798.870, D là người hẹn địa điểm bán ma túy.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 13-4-2021, khi D đang tàng trữ ma túy trên người thì bị tổ công tác Công an thành phố Y phát hiện. D đã bỏ chạy vào nhà ông Đặng Văn C, thuộc tổ dân phố H2, phường HH, thành phố Y, trèo lên gác xếp trong bếp nhà ông C để ném ma túy thì bị bắt giữ.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm: 01 túi nilon màu trắng kẹp viền màu đỏ, bên trong có 15 gói giấy màu trắng có đường kẻ ngang, trong mỗi gói đều có chất bột nén màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số thuê bao 0944.798.870; 01 chứng minh nhân dân; 01 dao lam; 01 ví giả da màu nâu và 750.000 đồng.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn D tại tổ dân phố HP, phường HH, thành phố Y vào hồi 08 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra thu giữ: tại mặt bàn gỗ 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, trên mặt có dính bột nén màu trắng; bên trong ba lô màu đen treo ở mắc trên tường có 02 túi nilon màu trắng kẹp viền màu đỏ trong có chất bột nén màu trắng trong 01 túi nilon màu xanh có khóa kẹp có chữ “Hạt đỗ say”; trong cặp vải màu đen có 01 túi nilon màu trắng kẹp viền màu đỏ bên trong có chứa chất bột nén màu trắng; 01 tờ giấy bạc và 128.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 214/GĐMT ngày 20-4-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Y, kết luận:

Chất bột nén màu trắng khi thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn D trong phong bì thứ nhất có tổng khối lượng là 1,27 gam là ma túy, loại heroine;

Chất bột nén màu trắng khi thu giữ khi khám xét đồ vật, nơi ở của Nguyễn Văn D trong phong bì thứ hai có khối lượng 0,02 gam là ma túy, loại heroine; trong phong bì thứ ba có khối lượng là 9,48 gam là ma túy, loại heroine; trong phong bì thứ tư có khối lượng là 2,82 gam là ma túy, loại heroine.

Cáo trạng số 36/CT-VKSTP ngày 14-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố Nguyễn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm

06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ của vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi 04 lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Như T, Lê Quang H1 và Nguyễn Văn C vào các ngày 11-4-2021 và ngày 12-4-2021 của Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố bị cáo Nguyễn Văn D theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, đây là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội các loại tội phạm khác. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi của bản thân nhưng lười lao động, không có nghề nghiệp và nghiện ma túy dẫn đến phạm tội.

Về nhân thân, bị cáo Nguyễn Văn D chưa có tiền án nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo có 03 tiền sự đã được xóa về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma

túy nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm, tài sản, thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Đối với Lê Quang H1, Nguyễn Văn C và Bùi Như T đều là những đối tượng nghiện đã mua ma túy của Nguyễn Văn D để sử dụng cho bản thân. Xét thấy hành vi đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra Công an thành phố Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với Lê Quang H1, Nguyễn Văn C và quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường HH, thành phố Y đối với Bùi Như T là phù hợp.

[6] Về vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Văn D, cơ quan điều tra đã sử dụng giám định hết 0,3 gam nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại 13,29 gam ma túy loại heroine được niêm phong (sau khi đã trích mẫu giám định) cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số tiền 128.300.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của D, quá trình điều tra đã xác định đó là tài sản hợp pháp của chị Lương Thị H, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố HP, phường HH, thành phố Y, là vợ của bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội của D, do đó cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp.

Đối với 01 chiếc dao lam; 01 tờ giấy bạc; 01 ba lô giả da màu đen có quai đeo phía sau đã qua sử dụng; 01 cặp vải màu đen loại đựng máy tính laptop đã qua sử dụng, mặt trước có chữ “Dell”. Xét đây là các tài sản, đồ vật có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen- xám đã qua sử dụng lắp sim có số thuê bao 0944.798.870 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy với Bùi Như T và Lê Quang H1, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân số 060.714.974 mang tên Nguyễn Văn D là tài sản hợp pháp của D, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho D.

Đối với 09 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các vỏ túi nilon, giấy gói, 02 tờ giấy màu trắng có in chữ, 04 dây cao su màu vàng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 750.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn D: D khai đây là số tiền còn lại trong tổng số tiền 800.000 đồng bị cáo có được do bán ma túy cho Bùi Như T, Lê Quang H1 và Nguyễn Văn C, bị cáo đã sử dụng hết 50.000 đồng. Xét đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng còn thiếu.

Đối với số tiền 1.000 đồng bị cáo dùng để gói ma túy, xét có liên quan đến tội phạm, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 13-4-2021.

**3. Về vật chứng:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

#### **3.1 Tịch thu tiêu hủy:**

- 13,29 gam ma túy loại heroine thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D được niêm phong trong 01 phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Y phát hành, mặt trước có ghi “Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn D ngày 13-4-2021 sau khi đã trích mẫu giám định”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín và có họ tên, chữ ký của Lê Vũ Long, Trần Văn Hiền, Đinh Phú Ngọc, Nguyễn Đức Phương, Nguyễn Văn D và đóng 04 (bốn) hình dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự-

Công an tỉnh Y.

- 09 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các vỏ túi nilon, giấy gói, 02 tờ giấy màu trắng có in chữ, 04 dây cao su màu vàng; 01 dao lam; 01 tờ giấy bạc; 01 ba lô giả da màu đen có quai đeo phía sau đã qua sử dụng; 01 cặp vải màu đen loại đựng máy tính laptop đã qua sử dụng, mặt trước có chữ “Dell”.

### 3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen- xám đã qua sử dụng lắp sim có số thuê bao 0944.798.870 của bị cáo Nguyễn Văn D.

- Số tiền 751.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn D.

3.3 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 ví giả da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân số 060.714.974 mang tên Nguyễn Văn D.

3.4. Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 50.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

*(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-7-2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y).*

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị H được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP,
- Công an TP; HSNV;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS TP;
- Bị cáo (2);
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Tạ Thị Kim Anh**





